TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 307/2023/HS-PT
Ngày: 14-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Phạm Tồn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Đức Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14-8-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2023/TLPT-HS ngày 16-3-2023 đối với bị cáo Bùi Văn V và bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 02-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Bùi Văn V, sinh ngày 15-10-1967 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số I H, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Trạm trưởng Trạm Khuyến nông và D1; Đảng viên Đ2 (đã bị khai trừ đảng); con ông: Bùi Văn V1 và bà Bùi Thị H (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21-01-2019; đến ngày 11-10-2019, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

2. Chu Đức H2, sinh ngày 25-12-1975 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; Đảng viên Đ2 (đã bị khai trừ đảng); con ông Chu Đức H3, sinh năm 1943và bà Dương Thị H4, sinh năm 1947; vợ là Hoàng Thị N, sinh năm 1978 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

- *Người bào chữa cho bị cáo* Bùi Văn V*:*

1. Luật sư Lê Văn Đ - Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, vắng mặt.

2. Luật sư Trần Anh T - Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa của bị cáo* Chu Đức H2*:*

Luật sư Vũ Đình N1 - Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; địa chỉ: Số B L, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên toà.

- *Nguyên đơn dân sự:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum; địa chỉ: Số D H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà T1 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh V2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ, vắng mặt.

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Đ; địa chỉ: Số B H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm D, vắng mặt.

(Vụ án có 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có 13 người làm chứng, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Trạm Khuyến nông và D1 (sau đây viết tắt là Trạm KN&DVKTNLN) huyện Đ được thành lập theo Quyết định số 630/QĐ-UB ngày 16-7-2002 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Đ. Đây là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng. Chức năng, nhiệm vụ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ là: Xây dựng, triển khai thực hiện các mô hình sản xuất trình diễn, khảo nghiệm các loại giống, cây trồng, vật nuôi mới và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật nông - Lâm nghiệp và tư vấn cho nông dân về giá cả và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Ngày 04-01-2019, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ hợp nhất với Trạm Chăn nuôi và thú y huyện Đ, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Đ thành Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp theo Quyết định số 07/QĐ-UBND của UBND huyện Đ.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, quản lý, điều hành hoạt động tại Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, từ tháng 01-2009 đến ngày 04-12-2013, Bùi Văn V là Trạm trưởng đã chỉ đạo Chu Đức H2 là Kế toán sử dụng tiền của

Trạm KN&DVKTNLN chi sai nguyên tắc tài chính với tổng số tiền là 1.199.983.000 đồng (một tỷ một trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng) cho các khoản mua, thuê, vận chuyển, chăm sóc cây xanh, cây cảnh và tiền chúc tết, quan hệ giao dịch cụ thể như sau:

1. Ngày 20-01-2009, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, do Bùi Văn V - Chủ tài khoản và Chu Đức H2 - Kế toán lập Giấy rút vốn đầu tư số 01 chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản của bà Bùi Thị H5 từ nguồn tiền thực hiện dự án trồng thử nghiệm 11 ha cây cao su, do UBND huyện Đ cấp theo nguồn thu để lại đầu tư ngân sách huyện K năm 2008. Đến ngày 22-01-2009, bà Bùi Thị H5 nhập 297.000.000 đồng vào quỹ tiền mặt của Trạm KN&DVKTNLN; đồng thời, ngày 22-01-2009, Trạm KN&DVKTNLN còn có nguồn thu từ tiền bán lưới B40, với số tiền là 6.600.000 đồng. Tuy nhiên, Trạm KN&DVKTNLN đã bỏ ngoài sổ sách kế toán, không theo dõi trên hệ thống sổ sách chứng từ kế toán, không báo cáo tài chính hàng năm. Đối với nguồn tiền này, Bùi Văn V chỉ đạo chi một phần vào mục cây xanh, cây cảnh và chúc tết, quan hệ giao dịch như sau:

- Ngày 19-01-2009, chỉ đạo thủ quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ là bà Y T2 đưa tiền mặt cho ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền mua, chăm sóc và vận chuyển cây cảnh tại Bình Định, với số tiền là 24.500.000 đồng. Theo lời khai của bà Y T2, thì trên thực tế việc chi tiền cho ông B diễn ra sau ngày 22-01-2009, còn việc bà Y T2 thể hiện trong Sổ quỹ tiền mặt ngày "19-01-2009" là ngày được ghi trên Giấy đề nghị thanh toán, vì ngày 19-01-2009 Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk H6 chưa có nguồn tiền để chi khoản này.

- Ngày 09-02-2009, chỉ đạo chi tiền mặt cho ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền vận chuyển cây cảnh đi chăm sóc tại Bình Định, với số tiền 5.000.000 đồng.

- Ngày 21-01-02009, chỉ đạo bà Y Thu chi tiền quỹ cho Chu Đức H2 chúc tết, với số tiền là 20.000.000 đồng. Theo lời khai của bà Y T2, thì trên thực tế việc chi tiền cho ông Chu Đức H2 diễn ra sau ngày 22-01-2009, còn việc bà Y T2 thể hiện trong Sổ quỹ tiền mặt ngày "21-01-2009" là ngày được ghi trên Giấy đề nghị thanh toán, vì ngày 21-01-2009, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ chưa có nguồn tiền để chi khoản này.

- Ngày 23-01-2009, chỉ đạo thanh toán tiền cho ông Nguyễn Văn N2 để chúc tết lãnh đạo huyện và các đơn vị nhân dịp tết, với số tiền là 16.700.000 đồng; chi cho ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền chúc tết, với số tiền 42.155.000 đồng.

2. Ngày 23-02-2009, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, do Bùi Văn V, Chu Đức H2 đứng tên đại diện ký Hợp đồng số 02/HĐ-TKN với Cơ sở con giống, vật nuôi thôn C xã H, do ông Đỗ S đứng tên đại diện V/v mua giống cây cao su trồng dặm, hỗ trợ cho hộ nghèo trồng mới năm 2008, giá trị là 426.300.000 đồng. Ngày 04-3-2009, Bùi Văn V và Chu Đức H2 ký chứng từ lập Giấy rút dự toán ngân sách số 07 chuyển 426.300.000 đồng đến tài khoản của ông Đỗ S từ nguồn tiền dự toán ngân sách huyện cấp năm 2009 hỗ trợ giống cây cao su trồng dặm. Sau đó, Bùi Văn V chỉ đạo Nhân viên của Trạm KN&DVKTNLN liên hệ với bà Phạm Thụy Hồng L (là con dâu của ông Đỗ S) để lấy tiền mặt, nhập vào quỹ của Trạm KN&DVKTNLN, số tiền 390.700.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 23-3-2009, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ còn nhập số tiền tạm ứng mua trước ghép mủ cao su là 20.000.000 đồng. Đây là khoản tiền thu ngoài ngân sách của Trạm KN&DVKTNLN, nhưng đã bỏ ngoài sổ sách kế toán, không theo dõi trên hệ thống sổ sách chứng từ kế toán, không báo cáo tài chính hàng năm. Đối với các nguồn tiền này, Bùi Văn V đã chỉ đạo chi một phần vào mục cây xanh, cây cảnh với 03 lần chi như sau:

- Ngày 12-3-2009, chỉ đạo thủ quỹ là bà Y Thu c cho Chu Đức H2 thanh toán tiền vận chuyển cây cảnh đợt 1, với số tiền 600.000 đồng.

- Ngày 25-3-2009, chỉ đạo chi cho ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền mua 12 cây hoa giấy, với số tiền 16.700.000 đồng.

- Ngày 03-4-2009, chỉ đạo chi cho ông Nguyễn Văn B tạm ứng tiền đặt cọc chăm sóc cây mai cảnh ở Q, với số tiền 3.000.000 đồng.

3. Trong tháng 01-2010, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ có nhập một số khoản tiền để chi cho các khoản cây xanh, cây cảnh như sau:

Ngày 28-01-2010, nhập tiền cho thuê đất tại Vườn thực nghiệm xã Đ hộ ông C, với số tiền là 16.000.000 đồng và hộ bà H7, với số tiền là 32.000.000 đồng. Đây là khoản tiền thu ngoài ngân sách của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, nhưng đã bỏ ngoài sổ sách kế toán, không theo dõi trên hệ thống sổ sách chứng từ kế toán, không báo cáo tài chính hàng năm.

Ngày 04-01-2010, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, do Bùi Văn V, Chu Đức H2 đứng tên đại diện ký Hợp đồng số 05/HĐ-MB với Cơ sở con giống, vật nuôi thôn C xã H, do ông Đỗ S đứng tên đại diện V/v mua giống cây bời lời đỏ, giá trị là 1.050.000.000 đồng. Ngày 26-01-2010, Bùi Văn V và Chu Đức H2 lập Giấy rút dự toán ngân sách số 03 chuyển 426.000.000 đồng đến tài khoản của ông Đỗ S từ nguồn tiền dự toán ngân sách huyện Đ cấp năm 2010 hỗ trợ giống cây bời lời cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số năm 2010. Sau đó, Bùi Văn V chỉ đạo nhân viên của Trạm KN&DVKTNLN liên hệ với bà Phạm Thụy Hồng L (là con dâu của ông Đỗ S) để lấy tiền mặt, nhập vào quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, số tiền 324.000.000 đồng (ngày 29-01-2010) và số tiền 100.000.000 đồng (ngày 03-2-2010). Đối với các nguồn tiền này, Bùi Văn V đã chỉ đạo chi một phần vào mục cây xanh, cây cảnh, chúc tết, quan hệ giao dịch như sau:

- Ngày 29-01-2010, chỉ đạo thủ quỹ là ông Nguyễn Văn B chi tạm ứng đặt cọc hoa tết, số tiền 26.600.000 đồng.

- Ngày 08-02-2010, chỉ đạo thủ quỹ là ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền hoa tết năm 2010, số tiền 82.700.000 đồng.

- Ngày 05-02-2010, chỉ đạo thủ quỹ là ông Nguyễn Văn B chi tiền cho bà Nguyễn Thanh H8 để chúc tết cho các đơn vị, số tiền là 15.000.000 đồng.

- Ngày 08-02-2010, chỉ đạo thủ quỹ là ông Nguyễn Văn B chi tiền cho ông Chu Đức H2 tạm ứng tiền đi chúc tết, số tiền là 21.000.000 đồng.

4. Ngày 28-8-2010, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ nhập tiền bán giống mỳ cho phòng Nông nghiệp huyện Đ số tiền là 250.000.000 đồng và nhập tiền thu đối ứng giống cây cao su xã Đ số tiền là 36.500.000 đồng. Đối với các khoản tiền này thì Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk H6 đã bỏ ngoài sổ sách kế toán, không theo

dõi trên hệ thống sổ sách chứng từ kế toán, không báo cáo tài chính hàng năm. Đối với các nguồn tiền này, ngày 28/8/2010 Bùi Văn V đã chỉ đạo thủ quỹ là ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền chăm sóc cây cảnh, số tiền 5.000.000 đồng.

5. Trong tháng 01-2011, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ có nhập một số khoản tiền để chi cho các khoản liên quan đến cây xanh, cây cảnh như sau:

- Ngày 07-01-2011, nhập tiền cao su, bời lời, cà phê năm 2010, số tiền là 200.000.000 đồng.

- Ngày 17-01-2011, nhập tiền cà phê, bời lời, cao su năm 2010, số tiền là 132.000.000 đồng;

- Ngày 28-01-2011, nhập tiền giống cây bời lời năm 2011, số tiền 470.000.000 đồng.

- Ngày 29-01-2011, nhập tiền thu ngoài Ngân sách dịch vụ năm 2011, số tiền là 190.000.000 đồng.

Đối với các khoản tiền này, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk H6 đã bỏ ngoài sổ sách kế toán, không theo dõi trên hệ thống sổ sách chứng từ kế toán, không báo cáo tài chính hàng năm.

Ngoài ra, trong ngày 29-01-2011, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk H6 còn nhập quỹ tiền chương trình cá nước ngọt năm 2011, số tiền là 129.500.000 đồng. Số tiền này là tiền dự toán ngân sách huyện Đ cấp năm 2011 đối với chương trình cá nước ngọt. Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ (Bùi Văn V và Chu Đức H2 đại diện) ký Hợp đồng kinh tế số 04-HĐKT/TKN ngày 14-01-2011, giá trị 43.000.000 đồng và Hợp đồng kinh tế số 03-HĐKT/TKN ngày 10-01-2011, giá trị 97.000.000 đồng với Trung tâm C1 (do Nguyễn Hữu T3 làm đại diện). Đến ngày 26-01-2011, Bùi Văn V và Chu Đức H2 lập Giấy rút dự toán ngân sách số 03 chuyển cho ông Nguyễn Hữu T3 43.000.000 đồng; ngày 28-01-2011, Bùi Văn V và Chu Đức H2 lập Giấy rút dự toán ngân sách số 03 chuyển cho ông Nguyễn Hữu T3 97.000.000 đồng. Sau đó, ngày 29-01-2011, Chu Đức H2 đến nhận lại tiền mặt và nhập quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, số tiền 129.500.000 đồng.

Đối với các khoản tiền trên, Bùi Văn V chỉ đạo chi một phần cho các khoản liên quan đến cây xanh, cây cảnh với 04 lần chi như sau: Ngày 28-01-2011, chỉ đạo thủ quỹ là bà Dương Nguyễn Bảo G chi cho ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền mua cây L1 vừng, số tiền là 34.000.000 đồng; chi thanh toán tiền chăm sóc, vận chuyển cây mai năm 2010 cho ông Nguyễn T4 (tỉnh Bình Định), số tiền 100.000.000 đồng; ngày 29-01-2011, chỉ đạo chi 600.000 đồng thanh toán tiền chở cây cảnh xuống Kon Tum; ngày 31-01-2011, chỉ đạo chi tiền mặt cho ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền mua hoa tết, số tiền là 10.000.000 đồng.

6. Ngày 31-3-2011, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ nhập quỹ các khoản tiền mặt như sau: Ngày 31-3-2011, thu tiền nợ đối ứng cao su năm 2010, số tiền 12.600.000 đồng; ngày 31-3-2011, nhập tiền kho bạc chương trình lúa cấp cho các xã, số tiền 250.000.000 đồng. Đối với các khoản tiền này; ngày 04-4-2011, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Dương Nguyễn Bảo G chi 8.500.000 đồng cho ông Nguyễn Văn B để thanh toán tiền mua hoa cảnh.

7. Ngày 01-7-2011, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ thu tiền bán giống cao su năm 2011, số tiền 60.000.000 đồng. Đây là tiền thu dịch vụ ngoài ngân sách, tuy nhiên Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk H6 đã bỏ ngoài sổ sách kế toán, không theo dõi trên hệ thống sổ sách chứng từ kế toán, không báo cáo tài chính hàng năm. Ngoài ra, tiền tồn quỹ tháng 6-2011 của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk H6 là 82.127.000 đồng. Đối với các khoản tiền này; ngày 05-7-2011, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Dương Nguyễn Bảo G chuyển khoản thanh toán tiền cây cảnh cho huyện chơi tết năm 2011, số tiền là 30.022.000 đồng (bao gồm cả phí chuyển khoản).

8. Ngày 26-9-2011, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ thu tiền giải ngân giống cao su xã N đợt II năm 2011 (tiền thu đối ứng hỗ trợ giống cây cao su mà người dân được Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ cho vay ưu đãi), số tiền là 480.000.000 đồng. Đối với khoản tiền này; ngày 27-9-2011, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Dương Nguyễn Bảo G chi cho ông Nguyễn Văn B để thanh toán tiền cây cảnh, số tiền là 21.500.000 đồng.

9. Nguồn tiền tồn quỹ tháng 9-2011 của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ là 129.859.000 đồng, số tiền tồn này là từ tiền giải ngân vốn cao su (tiền thu đối ứng hỗ trợ giống cây cao su mà người dân được Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ cho vay ưu đãi) tại các xã thuộc huyện Đ trong tháng 9-2011. Đối với khoản tiền này; ngày 07-10-2011, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Dương Nguyễn Bảo G chi thanh toán tiền làm bồn cây cảnh cho huyện, số tiền là 8.170.000 đồng; tiền đào hố trồng cây cảnh tại Huyện Ủ, số tiền là 400.000 đồng.

10. Nguồn tiền tồn quỹ tháng 10-2011 của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ là 278.524.000 đồng, số tiền tồn này là từ tiền giải ngân vốn cao su (tiền thu đối ứng hỗ trợ giống cây cao su mà người dân được Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ cho vay ưu đãi) tại các xã thuộc huyện Đ trong tháng 10-2011. Đối với khoản tiền này; ngày 03-11-2011, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Dương Nguyễn Bảo G chi thanh toán tiền vận chuyển cây cảnh năm 2011, số tiền là 3.000.000 đồng.

11. Ngày 12-01-2012, Bùi Văn V và Chu Đức H2 lập Giấy rút dự toán ngân sách số 02 chuyển tạm ứng số tiền 896.000.000 đồng đến tài khoản của Hợp tác xã D1 từ tiền chương trình hỗ trợ cây giống cao su, được UBND huyện Đ cấp ngân sách năm 2012. Sau đó, Bùi Văn V chỉ đạo Chu Đức H2 ra Phòng giao dịch Ngân hàng B1 để rút tiền mặt về nhập quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, trong đó: Ngày 17-01-2012, nhập 100.000.000 đồng; ngày 18-01-2012, nhập 150.000.000 đồng và ngày 19-01-2012 nhập 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong ngày 20-01-2012, ông Nguyễn Văn B còn nhập vào quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk Hà tiền huy động ngoài, với số tiền là 60.000.000 đồng. Đây là tiền mà các ông Nguyễn Văn B, Bùi Văn V và bà Y T2 vay từ ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ. Đối với các khoản tiền này, Bùi Văn V chỉ đạo chi một phần cho các khoản liên quan đến cây xanh, cây cảnh với 04 lần chi như sau:

- Ngày 18-01-2012, chỉ đạo thủ quỹ là bà Dương Nguyễn Bảo G chi cho ông Nguyễn Văn B thanh toán tiền hoa tết năm 2012, số tiền 150.000.000 đồng; chỉ đạo chi thanh toán tiền vận chuyển và thuê xe cẩu, số tiền 1.800.000 đồng

- Ngày 20-01-2012, chỉ đạo chi tiền quỹ cho Chu Đức H2 thanh toán tiền vận chuyển cây cảnh, số tiền 8.500.000 đồng.

- Ngày 03-02-2012, chỉ đạo chi tiền quỹ cho ông Phạm Tiến D để thanh toán tiền vận chuyển cây mai xuống Bình Định, số tiền 6.000.000 đồng.

12. Ngày 11-4-2012, Chu Đức H2 nhập tiền vay Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng. Đây là khoản tiền mà Chu Đức H2 và vợ là Hoàng Thị N đứng tên vay vốn Ngân hàng B1 và Chu Đức H2 nộp tiền vào quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ. Việc vay vốn là do Bùi Văn V thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình V tại số D H, thị trấn Đ, huyện Đ. Đối với khoản tiền này; ngày 11-4-2012, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Dương Nguyễn Bảo G chuyển khoản thanh toán tiền cây cảnh cho ông Nguyễn Thanh T5 (tỉnh Bình Định) 50.040.000 đồng (bao gồm cả phí chuyển khoản).

13. Nguồn tiền tồn quỹ tháng 10-2012 của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ là 278.524.000 đồng, số tiền tồn này là từ tiền giải ngân vốn cao su (tiền thu đối ứng hỗ trợ giống cây cao su mà người dân được Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ cho vay ưu đãi) năm 2012 xã N ngày 30-10-2012, số tiền giải ngân là 368.200.000 đồng. Đối với khoản tiền này; ngày 06-11-2012, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Nguyễn Thị H9 chuyển khoản thanh toán tiền cây cảnh cho ông Nguyễn Thanh T5 trú tại thị xã A, tỉnh Bình Định số tiền 50.040.000 đồng (bao gồm cả phí chuyển khoản).

14. Ngày 06-02-2013, Bùi Văn V và Chu Đức H2 ký chứng từ lập Giấy rút dự toán ngân sách chuyển 612.000.000 đồng đến tài khoản của Hợp tác xã D1, tại Phòng giao dịch Ngân hàng B1 từ nguồn dự toán ngân sách huyện Đ cấp cho Trạm KN&DVKTNLN huyện năm 2013 để thực hiện hỗ trợ giống cây cao su trồng mới năm 2012. Cùng ngày 06-02-2013, Bùi Văn V chỉ đạo nhân viên của Trạm KN&DVKTNLN là bà Nguyễn Thị H9 đến Phòng giao dịch Ngân hàng B1 rút 610.000.000 đồng về nhập vào quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ. Đối với khoản tiền này, Bùi Văn V chỉ đạo chi một phần cho các khoản liên quan đến cây xanh, cây cảnh và chúc tết, giao dịch như sau:

- Ngày 07-02-2013, chỉ đạo thủ quỹ là bà Nguyễn Thị H9 chi thanh toán tiền cây cảnh cho ông Đăng Xuân S1 (tỉnh Bình Định), số tiền là 36.500.000 đồng; chi tiền quỹ cho ông Phạm Tiến D thanh toán tiền đi thăm mai và vận chuyển mai năm 2013 tại tỉnh Bình Định, số tiền là 10.300.000 đồng.

- Ngày 08-02-2013, chỉ đạo chi thanh toán tiền cây mai cho ông T4 (thị xã A, tỉnh Bình Định), số tiền là 100.000.000 đồng.

- Ngày 05-3-2013, chỉ đạo chi tiền quỹ cho ông Trình Ngọc K thanh toán tiền vận chuyển cây mai từ Đ xuống Kon Tum, số tiền là 600.000 đồng.

- Ngày 07-02-2013, Bùi Văn V trực tiếp lấy 137.000.000 đồng, với nội dung thanh toán tiền tết các phòng ban của huyện.

15. Ngày 25-3-2013, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ rút tiền mặt là 887.294.000 đồng từ Kho bạc nhà nước huyện Đ về nhập quỹ, trong đó tiền hỗ trợ chương trình lúa thơm năm 2011-2012 là 111.406.596 đồng; tiền hỗ trợ lãi suất vay NHCS chương trình phát triển cao su hộ gia đình là 775.887.404 đồng. Đây là

nguồn dự toán ngân sách huyện Đ cấp cho Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ năm 2013. Đối với khoản tiền này; ngày 26-3-2013, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Nguyễn Thị H9 chi tiền quỹ cho ông Nguyễn Văn B đi thanh toán tiền mua cây cảnh tại Bình Định cho ông Sáu S2, số tiền là 40.000.000 đồng.

16. Ngày 06-4-2013, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ nhập quỹ số tiền 500.000.000 đồng từ nguồn tiền Bùi Văn V vay của Ngân hàng Đ3. Đối với khoản tiền này; ngày 08-4-2013, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Nguyễn Thị H9 chi cho ông Phạm Tiến D thanh toán tiền vận chuyển mai xuống Bình Định, số tiền là 3.000.000 đồng.

17. Ngày 21-8-2013, Bùi Văn V chỉ đạo bà Nguyễn Thị H9 rút tiền từ tài khoản của Hợp tác xã DVKTNLN Tam Nông 297.000.000 đồng để nhập vào quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ. Đây là tiền mà Trạm KN&DVKTNLN đã chuyển khoản thanh toán vào tài khoản của Hợp tác xã D1 vào ngày 16-8-2013 về việc cung ứng giống cao su. Đối với khoản tiền này; ngày 23-8-2013, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Nguyễn Thị H9 chuyển khoản thanh toán tiền cây cảnh cho ông Nguyễn Thanh T5, trú tại thị xã A, tỉnh Bình Định 40.032.000 đồng (bao gồm phí chuyển khoản).

18. Ngày 01-11-2013, Bùi Văn V và Chu Đức H2 ký chứng từ, lập Giấy rút tiền mặt để rút 99.383.000 đồng tại Kho bạc nhà nước huyện Đ, thủ quỹ là bà Nguyễn Thị H9 là người trực tiếp nhận tiền và nhập vào quỹ của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ. Đây là tiền từ nguồn vốn khoa học công nghệ năm 2013. Đối với khoản tiền này; ngày 04-11-2013, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ làbà Nguyễn Thị H9 chuyển khoản thanh toán tiền cây cảnh cho ông Nguyễn Thanh T5, trú tại thị xã A, tỉnh Bình Định số tiền 30.024.000 đồng (bao gồm cả phí chuyển khoản).

19. Ngày 15-7-2009, Bùi Văn V và Chu Đức H2 ký Hợp đồng mua bán với Cơ sở kinh doanh Hà T6 (bà Hoàng Thị N làm đại diện). Ngày 28-7-2009, Bùi Văn V và Chu Đức H2 lập Giấy rút dự toán ngân sách số 39 chuyển số tiền 44.536.000 đồng đến tài khoản của Hoàng Thị N từ nguồn dự toán ngân sách huyện Đ cấp cho Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ năm 2013 để thực hiện chương trình hỗ trợ phân bón chăm sóc vườn cây cao su đầu dòng. Sau đó, bà Hoàng Thị N rút tiền và đưa cho Chu Đức H2 42.300.000 đồng để nhập quỹ. Đối với khoản tiền này; ngày 09-10-2009, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ là bà Y Thu c tiền quỹ đưa cho Chu Đức H2 thanh toán tiền chi ngoại giao Ngân hàng chính sách, số tiền là 21.000.000 đồng.

20. Nguồn tiền quỹ tồn tháng 01-2013 của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ là 127.203.182 đồng, trong đó có nguồn chi thường xuyên thuộc dự toán ngân sách huyện Đ cấp năm 2013, được Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk Hà rút tại Kho bạc nhà nước huyện Đ số tiền 77.046.540 đồng vào ngày 30-01-2013. Đối với khoản tiền này; ngày 06-02-2013, Bùi Văn V đã trực tiếp ký nhận trong Sổ quỹ tiền mặt số tiền 20.000.000 đồng và ghi nội dung "Sử dụng tết".

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2015, Bùi Văn V và Chu Đức H2 còn thực hiện chi cho các mục chúc tết, chăm sóc, vận chuyển cây cảnh, hoa tết như sau:

- Ngày 16-01-2009, chi trả tiền tết ngân hàng chính sách số tiền 350.000 đồng.

- Ngày 22-01-2009, chi mua quà chúc tết nguyên đán cho các đơn vị số tiền 1.500.000 đồng. Đây là khoản tiền tập thể Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk Hà mua quà chúc tết một số xã, mà Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ có địa điểm làm việc.

- Ngày 22-01-2009, chi tiền chúc tết cho 03 vườn thuộc Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ (vườn ươm tại nghĩa trang huyện Đ, vườn thực nghiệm thôn K - xã Đ, vườn giống tại thôn K - xã Đ) số tiền 5.000.000 đồng.

- Ngày 24-01-2009, chi tiền tạm ứng mua quà cho khuyến nông viên cơ sở số tiền 900.000 đồng.

Các khoản chi trên được lấy từ nguồn tiền 297.000.000 đồng, do Bùi Thị H5 nhập vào quỹ tiền mặt của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ ngày 22-01-2009. Nguồn gốc của nguồn tiền này như sau: Ngày 20-01-2009, Bùi Văn V và Chu Đức H2 lập Giấy rút vốn đầu tư số 01 chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của bà Bùi Thị H5 từ nguồn tiền thực hiện dự án trồng thử nghiệm 11 ha cây cao su, do UBND huyện Đ cấp theo nguồn thu để lại đầu tư ngân sách huyện K năm 2008. Đến ngày 22-01-2009, bà Bùi Thị H5 nhập số tiền 297.000.000 đồng vào quỹ tiền mặt của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ. Ngoài ra, trong ngày 22-01-2009, Trạm KN&KTNLN huyện Đ có nguồn thu từ bán lưới sắt B40 số tiền 6.000.000 đồng, nhưng không theo dõi trên sổ sách, chứng từ kế toán.

Như vậy, tổng số tiền chi cho 04 khoản trên là 7.750.000 đồng. Trách nhiệm thuộc về Bùi Văn V và Chu Đức H2.

- Ngày 02-3-2010, chi thanh toán tiền hoa tết và trả lãi Ngân hàng số tiền 12.582.000 đồng, khoản chi này là do Bùi Văn V chỉ đạo Nguyễn Văn B lấy tiền từ quỹ tiền mặt của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ còn tồn đến cuối tháng 02-2010 để chi. Nguồn tiền tồn tại quỹ bao gồm nhiều khoản thu trước đó của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk Hà, nhưng không được theo dõi trên sổ sách kế toán theo quy định. Trách nhiệm của việc chi khoản tiền này thuộc về Bùi Văn V và Chu Đức H2.

- Ngày 31-01-2011, chi thanh toán tiền mua hoa tết trang trí hội trường của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ 3.100.000 đồng, khoản chi này là do Bùi Văn V chỉ đạo Nguyễn Văn B thực hiện. Nguồn tiền được lấy từ nguồn thu ngoài dịch vụ năm 2011 của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đăk Hà số tiền 190.000.000 đồng, được Chu Đức H2 nhập quỹ ngày 31-01-2011, số tiền thu ngoài dịch vụ không được thể hiện trên hệ thống sổ sách kế toán. Trách nhiệm chi sai số tiền này thuộc về Bùi Văn V và Chu Đức H2.

- Ngày 09-01-2014, chi trả tiền cây cảnh cho ông T4 (Bình Định) số tiền 5.000.000 đồng, đây là tiền nợ cây cảnh trước đó. Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ chi tiền trực tiếp cho ông T4. Nguồn tiền được lấy từ nguồn tiền tồn quỹ đến đầu tháng 01-2014 từ nhiều nguồn thu trước đó và từ nguồn tiền nhập lúa 8.677.000 đồng. Trách nhiệm thuộc về Bùi Văn V và Chu Đ1.

- Ngày 05-3-2014, Bùi Văn V chỉ đạo chi cho Phạm Tiến D số tiền 400.000 đồng để thuê xe vận chuyển đồ của Hợp tác xã D1 tại địa chỉ số D H, thị trấn Đ, huyện Đ.

- Ngày 06-3-2014, chi 3.000.000 đồng để Chu Đức H2 giao dịch làm sổ đỏ nhà 43 H. Theo lời khai của Bùi Văn V và những người có liên quan, thì giai đoạn này Bùi Văn V sang nhượng nhà, đất tại số D H để lấy tiền xử lý công việc tại Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ và V giao cho Chu Đức H2 đi làm thủ tục.

Nguồn tiền sử dụng cho 02 nội dung trên lúc này là tiền nhập lúa xã Đ (6.200.000 đồng) và nhập tiền đối ứng cao su xã Đ (5.900.000 đồng). Các nguồn tiền thu ngoài ngân sách này không được theo dõi trên hệ thống sổ sách kế toán của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ. Trách nhiệm thuộc về Bùi Văn V và Chu Đức H2.

- Ngày 12-5-2014, Bùi Văn V chỉ đạo thủ quỹ chi trả trực tiếp cho ông T4 tiền nợ cây cảnh trước đó là 15.000.000 đồng. Nguồn tiền có để chi lúc này là tồn quỹ tháng 4-2015, nhưng do không xác định rõ nguồn nào nên trách nhiệm thuộc về Bùi Văn V là người chỉ đạo việc chi tiền.

- Ngày 27-5-2015, Bùi Văn V chỉ đạo Phạm Tiến D lấy tiền từ thủ quỹ chuyển trả tiền nợ cây cảnh cho ông T4 50.020.000 đồng (bao gồm cả phí chuyển khoản). Nguồn tiền lấy từ nguồn thu hồi kinh phí dịch vụ 100.000.000 đồng và nộp vào quỹ của đơn vị vào ngày 25-5-2015. Đây là nguồn tiền do một số người mua giống cao su của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ từ những năm trước, đến thời điểm họ trả nợ cho Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, trực tiếp là đưa tiền cho Bùi Văn V và V đã nhập quỹ của Trạm. Trách nhiệm việc chi sai thuộc về Bùi Văn V.

Như vậy, trong thời gian từ năm 2009 đến hết năm 2015, Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ đã chi sai nguyên tắc tài chính, kế toán cho các khoản liên quan đến cây xanh, cây cảnh, chúc tết và ngoại giao, với tổng số tiền là 1.296.835.000 đồng. Trong đó, Bùi Văn V phải chịu trách nhiệm toàn bộ về số tiền chi sai gây thất thoát là 1.296.835.000 đồng; Chu Đức H2 chịu trách nhiệm cùng với Bùi Văn V về khoản tiền 1.231.815.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 02-02-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum:

Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bùi Văn V 07 (**bảy**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21-01-2019 đến ngày 11-10-2019).

- C2 (**bốn**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06-02-2023, Bùi Văn V kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Ngày 07-02-2023, Chu Đức H2 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bùi Văn V thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin giảm hình phạt; Chu Đức H2 giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của Bùi Văn V; chấp nhận kháng cáo của Chu Đức H2.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 02-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum; giảm hình phạt cho cả hai bị cáo.

Luật sư bào chữa và các bị cáo tranh luận công khai; nói lời sau cùng, các bị cáo đều ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị được chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến hết năm 2015, Bùi Văn V với chức vụ là Trạm trưởng, Chu Đức H2 với chức vụ là Kế toán Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ đã thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ trong việc quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước được giao cho Trạm KN&DVKTNLN. Hoạt động thu, chi nguồn tiền ngân sách cấp cho Trạm KN&DVKTNLN cũng như các nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Trạm và nguồn thu đối ứng của người dân khi thực hiện các dự án đã không được theo dõi, phản ánh, hạch toán vào sổ sách theo quy định của Luật Kế toán. Các bị cáo đã hợp thức hóa các hợp đồng kinh tế để rút tiền từ thực hiện các chương trình, dự án đem tiền về nhập vào sổ quỹ tiền mặt của Trạm. Đối với các nguồn tiền này, Bùi Văn V đã chỉ đạo chi cho các cá nhân của đơn vị, chi cho các mục liên quan đến cây xanh, cây cảnh, chúc tết và ngoại giao không đúng quy định, không đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền quy định và không đúng chức năng nhiệm vụ được giao. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm quy định tại các Điều 5, 6, 7, 19 và 25 của Luật Kế toán năm 2003; các Điều 4, 5, 6, và 27 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002; Điều 6 của Luật Quản lý sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008 gây thất thoát, lãng phí tài sản

của Nhà nước, với tổng số tiền là **1.296.835.000 đồng**; trong đó, Chu Đức H2 đồng phạm với Bùi Văn V về hành vi gây thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước, với số tiền 1.231.815.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum kết án Bùi Văn V và Chu Đức H2 về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí" theo khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

- Đối với Bùi Văn V:

Bùi Văn V với chức vụ là Trạm trưởng Trạm KN&DVKTNLN, bị cáo đã chỉ đạo Chu Đức H2 lập các dự án, lập các chứng từ quyết toán, trực tiếp liên hệ các chủ cơ sở để lập hợp đồng kinh tế khống, lập Hợp tác xã với mục đích để rút nguồn tiền từ các dự án, nhưng không thực hiện theo dự án mà lấy tiền nhập vào quỹ tiền mặt cơ quan rồi để ngoài sổ sách kế toán. Sau đó, chỉ đạo thủ quỹ, nhân viên của Trạm KN&DVKTNLN lấy tiền chi vào các mục như mua, chăm sóc, vận chuyển cây xanh, cây cảnh, chi chúc tết, ngoại giao không đúng quy định của pháp luật, làm thất thoát, lãng phí ngân sách của Nhà nước. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù.

Bị cáo kháng cáo cho rằng theo sự chỉ đạo của ông Phạm Đức H10, bị cáo đã chi tiền mua cây cảnh để trang trí tết cho trụ sở UBND và Huyện ủy huyện Đ và cho gia đình ông H10; do đó, trong tổng số tiền gây thất thoát, lãng phí có trách nhiệm của cá nhân ông H10, nên đề nghị hủy bản án để điều tra lại, xem xét trách nhiệm hình sự của ông H10 để xét xử đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị giảm hình phạt.

Xét thấy, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, không đổ trách nhiệm cho các đối tượng khác; bị cáo phạm tội không vì động cơ vụ lợi cá nhân; sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; có nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất, công tác, được UBND tỉnh K tặng Bằng khen vào các năm 2009, 2012; có cha mẹ là người có công với cách mạng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nhưng tại phiên toà phúc thẩm đề nghị được nộp 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, điều này thể hiện được sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Do tại Toà án cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

- Đối với Chu Đức H2:

Với nhiệm vụ được giao là Kế toán của Trạm KN&DVKTNLN huyện Đ, là người được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, lẽ ra bị cáo phải tham mưu cho lãnh đạo thực hiện việc thu chi các nguồn tiền dự án do ngân sách Nhà nước cấp đúng quy định, nhưng bị cáo lại nghe theo sự chỉ đạo của Bùi Văn V rồi tham mưu, lập các dự án, cùng ký các hợp đồng kinh tế với Bùi Văn V, không hạch toán vào sổ sách kế toán theo dõi tài chính theo quy định của pháp luật, làm khống các chứng từ, giúp cho Bùi Văn V lấy được nguồn tiền rồi chi sai quy định; do đó, Toà

án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp 820.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; quá trình công tác được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K tặng Bằng khen; 02 lần được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và nhiều Giấy khen; bị cáo có cha, mẹ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương kháng chiến; ngoài ra, tại Toà án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo có nhiều đóng góp tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại địa phương; cung cấp bệnh án và Biên bản giám định Y khoa kết luận bị cáo: "Thông liên nhĩ đã bít dù; rung nhĩ điều trị ổn định; liệt ½ nửa người phải mức độ vừa; đái tháo đường tuýp 2, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là **91%**" và cung cấp biên lai thể hiện tự nguyện nộp thêm 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; như vậy, số tiền bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hâu quả là 850.000.000 đồng (hơn 2/3 số tiền thiệt hại). Do tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Do các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo Bùi Văn V; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Đức H2.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 02-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn V và Chu Đức H2.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bùi Văn V 05 (**năm**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21-01-2019 đến ngày 11-10-2019).

2.2. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Chu Đức H2 03 (**ba**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Bùi Văn V và Chu Đức H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường